TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày: 20- 5 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đức Bản

2. Bà Nguyễn Thị Vòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2019; tại Hội trường của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 08/3/2019; Quyết định hoãn phiên toà số: 13/2019/QĐST-DS ngày 28/3/2019; Quyết định hoãn phiên toà số: 16/2019/QĐST-DS ngày 18/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm: 1967; địa chỉ cư trú: Thôn Tâ, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: Khu chung cư , tổ dân phố, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2018, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn anh C, trình bày:

Theo hợp đồng vay tài sản ngày 17/4/2014 được ký kết giữa bên cho vay Nguyên Xuân C và bên vay Nguyễn Thanh B, nội dung của hợp đồng anh B vay của anh C số tiền 600.000.000đ; thời hạn vay từ ngày 17/4/2014 đến ngày 17/4/2017, với lãi suất do hai bên thoả thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng công bố, phương thức trả tự thoả thuận giữa hai bên,

hợp đồng đã được công chứng ngày 17/4/2014. Khi đến hạn trả tiền phía anh B không chịu trả mặc dù anh C đã đòi nhiều lần. Đến ngày 03/02/2018 anh C và anh B có viết Giấy chốt nợ và khất nợ, theo giấy hai bên thoả thuận gốc 600.000.000đ, lãi suất 17%/năm tiền lãi tính đến từ 17/4/2014 đến 17/4/2018 là 408.000.000đ, tổng cả gốc và lãi là 1.008.000.000đ nhưng anh C, anh B thoả thuận anh C lấy gốc và lãi là 1.000.000.000đ, thoả thuận đến tháng 6/2018 sẽ trả hết số tiền trên, nhưng đến nay anh B vẫn chưa trả.

Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 28/3/2019 và tại phiên toà hôm nay anh C yêu cầu anh Bình trả với số tiền gốc là 600.000.000đ và lãi suất 13.5% năm bằng 1.12% tháng được tính như sau:

Từ ngày 17/4/2014 đến ngày 20/5/2019 là 61 tháng 3 ngày (đổi thành 1.833 ngày); 600.000.000đ x 1.833 ngày x 13.5% : 360 ngày = 412.425.000đ

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 1.012.425.000đ, trong đó nợ gốc 600.000.000đ; nợ lãi: 412.425.000đ.

* Ý kiến của anh B tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà trình bày: Anh Nguyễn Thanh B quen biết nên năm 2012 có vay của anh Nguyễn Xuân C với số tiền là 250.000.000 đồng với lãi suất một triệu lấy một trăm ngàn trên 01 ngày, anh B giao cho anh C bằng đại học mang tên anh B để làm tin. Quá trình vay hàng tháng, anh B có trả tiền lãi hàng tháng cho anh C, nhưng do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ. Đến năm 2014 anh C tự tính lãi suất trên số tiền gốc 250.000.000 đồng lên đến 600.000.000 đồng và bảo anh B ký vào giấy. Lúc đó anh B cũng mong muốn được lấy lại bằng đại học để đi xin việc nên ký vào số tiền nợ anh C 600.000.000 đồng. Trong thời gian đó anh C cũng có điện thoại đòi nợ nhưng anh B còn nợ Ngân hàng và nợ nhiều cá nhân khác nên có khất lại nợ anh C. Đến ngày 03/2/2018 thì anh C vào tính tiền lãi của số tiền 600.000.000 đồng và bảo anh B viết giấy nợ anh C với số tiền 1.000.000.000 đồng, anh B đồng ý viết giấy nợ và có bảo anh C hiện nay khó khăn xin thời gian nhưng không ngờ anh C bảo viết giấy nợ 1.000.000.000 đồng xong để anh làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Nay anh C yêu cầu anh B trả số tiền gốc 600.000.000đồng anh không đồng ý mà chỉ trả 250.000.000 đồng. Còn về lãi suất, tại phiên toà anh C yêu cầu trả lãi 13.5%/ năm, anh đồng ý nhưng trên số gốc 250.000.000đ. Do khó khăn không đủ khả năng trả nợ nên xin anh C bớt một phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", tranh chấp phát sinh giữa cá nhân và cá nhân, và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều

26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các bên đã đến Tòa án làm bản tự khai, lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các bên nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019 để xét xử vào ngày 28/3/2019, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho anh C và anh B theo quy định của Điều 172 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số:13/2019/QĐST-DS ngày 28/3/2019 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 18/4/2019 và tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự trong vụ án theo quy định của Điều 172 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 18/4/2019, anh C có đơn xin hoãn phiên toà do trường hợp bất khả kháng, bị đơn anh B tiếp tục vắng mặt lần thứ hai. HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Quyết định hoãn phiên tòa số:16/2019/QĐST-DS ngày 18/4/2019 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 20/5/2019 và tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự trong vụ án theo quy định của Điều 172 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà anh C, anh B có mặt nên HĐXX tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng của nguyên đơn thấy:

Tại phiên toà anh B chỉ thừa nhận nợ anh C 250.000.000đ tiền gốc. Tuy nhiên, căn cứ theo Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm được ký kết ngày 17/4/2014 giữa: Bên cho vay anh Nguyễn Xuân C, địa chỉ: Xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; bên vay: anh Nguyễn Thanh B, địa chỉ: Phường N, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; tại hợp đồng thể hiện anh B có vay của anh C số tiền 600.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 17/4/2014 đến ngày 17/4/2017, với lãi suất do hai bên thoả thuận nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố, đã được công chứng. Khi đến hạn trả tiền phía anh B chưa trả nên anh C, anh B làm một giấy khất nợ vào ngày 03/2/2018 có nội dung vốn (gốc) 600.000.000đ và lãi suất 17%/năm tính từ ngày 17/4/2014 đến ngày 17/4/2017 là 408.000.000 đồng, cộng gốc và lãi là 1.008.000.000 đồng, nhưng hai bên thoả thuận chỉ trả 1 tỷ đồng hẹn đến tháng 6/2018 trả hết.

Như vậy, anh B cho rằng vay của anh C 250.000.000đ gốc không phải 600.000.000đ gốc, Toà án yêu cầu anh B đưa ra căn cứ, anh B không đưa ra được mà chỉ nói do ép buộc, do không minh mẫn, do hoảng loạn, nên đã ký vào

giấy, tại thời điểm ký giấy không báo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ vào Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm được ký kết ngày 17/4/2014 và Giấy chốt nợ và khất nợ ngày 03/02/2018 xác định được anh B đã vay của anh C với số tiền gốc 600.000.000 đồng. Giao dịch dân sự giữa các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của các Điều 122,124, 471, 473, 474 Bộ luật dân sự 2005 nên Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm được ký kết ngày 17/4/2014 và Giấy chốt nợ và khất nợ ngày 03/02/2018 được ký kết giữa anh C và anh B có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thi hành. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh C buộc anh B phải trả số tiền gốc 600.000.000 đồng cho anh C.

[2.2] Về yêu cầu của anh C yêu cầu anh B phải trả khoản tiền lãi từ ngày 17/4/2014 đến ngày 20/5/2019 là 600.000.000đ x 1.833 ngày x 13.5%/năm 360 ngày : = 412.425.000đ.

Theo hợp đồng vay tài sản ngày 17/4/2014 được ký kết giữa bên cho vay anh C, bên vay anh B, hai bên có thoả thuận về mức lãi suất nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố. Về thời gian vay từ ngày 17/4/2014 đến ngày 17/4/2017 khi đến hạn anh B không trả nên ngày 03/02/2018 anh C, anh B có viết giấy chốt nợ và khất nợ với lãi suất hai bên đã thoả thuận 17%/năm, hai bên tính lãi suất đến ngày 17/4/2018. Với lãi suất anh C, anh B đã thoả thuận vượt quá so với Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại phiên toà anh Cao yêu cầu với lãi suất là 13,5%/năm bằng 1.12%/tháng, trong thời gian từ ngày 17/4/2014 đến ngày 20/5/2019 là 61 tháng 03 ngày. Do đó, việc anh C yêu cầu anh B phải trả lãi theo mức lãi suất 13.5%/năm là phù hợp với quy định của Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và tại phiên toà anh B đã thoả thuận với lãi suất 13.5%/ năm.

Từ những phân tích trên anh C yêu cầu anh B phải trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 1.012.425.000đ, trong đó nợ gốc 600.000.000đ; nợ lãi: 412.425.000đ.

Từ ngày 21/5/2019 anh C, anh B thoả thuận trả lãi suất của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh C được chấp nhận nên bị đơn anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước trên tổng số tiền 1.012.425.000đ đồng là 36.000.000 đồng và nhân với 3% của phần

vượt quá 800.000.000 đồng; cụ thể: 212.425.000đ x 3% = 6.372.000 đ + 36.000.000đ = 42.372.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Anh C không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 122, 471, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân C. Buộc anh Nguyễn Thanh B phải trả cho anh Nguyễn Xuân C số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 1.012.425.000đ (Một tỷ, không trăm mười hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn), trong đó nợ gốc 600.000.000đ; nợ lãi: 412.425.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Xử buộc anh Nguyễn Thanh B phải chịu 42.372.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Anh Nguyễn Xuân C không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Xuân C 21.000.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000704 ngày 03/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20/5/2019, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP.Đồng Hới;
- Lưu án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc